

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ V, phường T, tỉnh Phú Thọ, “vắng mặt”;

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm F, xã H, tỉnh Ninh Bình, “vắng mặt”;

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1946; địa chỉ Xóm F, xã H, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ) ngày 22/7/2012 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, không cảm thông chia sẻ với nhau dẫn đến hay cãi chửi nhau, ngoài ra còn do anh T thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc không quan tâm đến gia đình. Vì thương con, chị H đã cố gắng để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, chấm dứt mọi sự quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay chị H xác định vợ chồng không còn cơ hội chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Trần Quang H1, sinh ngày 16/7/2012 hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 20/2025/TLST – HNGĐ, ngày 15/7/2025, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là anh Trần Văn T để anh T biết và có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu xin ly hôn của chị H gửi Tòa án và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H gửi Tòa án và cũng không đến Tòa làm việc mà không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2025, người làm chứng bà Hoàng Thị L trình bày: Bà L là bà nội của anh Trần Văn T. Anh T và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và có 01 con chung là Trần Quang H1, sinh ngày 16/7/2012 như chị H trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng chị H và anh T không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ lâu, nguyên nhân vì sao thì bà L không biết. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi cho anh T, bà L đều đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T bận công việc đi làm ăn ở trong miền N nên không thể đến Tòa án làm việc được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T;

Giao con chung là cháu Trần Quang H1 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người làm chứng bà Hoàng Thị L có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ) ngày 22/7/2012 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung, ngoài ra còn do anh T chơi lô đề, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân 11 năm nay, không quan tâm đến nhau, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm. Mặt khác, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị H xin ly hôn nhưng đến nay không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có 01 con chung là Trần Quang H1, sinh ngày 16/7/2012 hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, đang ở cùng chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung phát triển và phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, phù hợp nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, hai bên có mọi

quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Quang H1, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh T có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Hiện cháu H1 đang ở cùng chị H.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000375 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân

